

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Lý

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phi H (tên gọi khác: Hùng N), sinh ngày 23 tháng 7 năm 1978 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (chết) và bà Nguyễn Ngọc P (chết); vợ: Võ Thị Hồng T, sinh năm: 1992; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2022 và nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 13/5/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 07 năm tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/6/2007, chưa được xoá án tích.

- Ngày 24/6/2008, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2013, chưa xoá án tích.

- Ngày 09/7/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 21/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự phúc thẩm số 237/2015/HSPT ngày 09/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 04 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2021, chưa được xoá án tích.

Nhân thân:

- Ngày 24/11/1995, bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

- Ngày 05/01/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1992 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 05/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2015, chưa được xoá án tích.

- Ngày 02/6/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của hai tội là 11 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2023, chưa được xoá án tích.

Hiện nay, bị cáo đang chấp hành án 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” tại Trại giam T4 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Thế H2, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2001 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Số nhà A đường A, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Dương Ngọc Q, sinh năm 1956 và bà Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 05/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1979; cư trú tại: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Bà Châu Mỹ L2, sinh năm: 1963; cư trú tại: Số C khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị Bích T1, sinh năm: 1982; tạm trú tại: Số A đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

4. Bà Đinh Thị Ngọc M1, sinh năm: 1979; cư trú tại: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

5. Ông Đặng Văn K, sinh năm: 1963; cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1974; cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

7. Bà Đỗ Minh L3, sinh năm: 1992; cư trú tại: Số A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Tây S1, sinh năm: 1994; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Hoàng Q1, sinh năm: 1999; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Nhật L4, sinh năm: 1996; cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Quốc T2, sinh năm: 1999; cư trú tại: Số C khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị H3, sinh năm 1961; cư trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các đối tượng Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn L (Sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định) quen biết nhau trong quá trình chấp hành án tại Trại giam T4, Bộ C. Sau khi ra tù, để có tiền tiêu xài, H, H1, L liên lạc với nhau và rủ thêm Huỳnh Thế H2 cùng nhau sử dụng xe mô tô để đi cướp giật tài sản của người đi đường. Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024, H, H1, L và H2 bàn bạc, thống nhất rồi cùng nhau sử dụng xe mô tô thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn các tỉnh Bình Định và Vĩnh Long, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/6/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc S đang di chuyển trên Quốc lộ A thuộc khối A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định thì bị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 59G2-731.97, nhãn hiệu Suzuki S2 (xe của L) chở L áp sát và giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng có gắn mặt dây chuyền với tổng trọng lượng 4,6 chỉ nhưng do bà S giữ lại được sợi dây nên H và L chỉ giật lấy được mặt dây chuyền với trọng lượng 1,6 chỉ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, L đem mặt dây chuyền trên bán cho ông Lâm Tây S1 - là chủ tiệm V ở khu phố A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định được 2.500.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận sợi dây chuyền và mặt dây chuyền của bà S trị giá 21.400.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bà S 01 sợi dây chuyền mà bà S giữ lại được. Bà S yêu cầu bồi thường giá trị mặt dây chuyền bị chiếm đoạt với số tiền 7.600.000 triệu đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 08/6/2024 khi đang ở tỉnh Vĩnh Long, H1 rủ H2 đi giật dây chuyền vàng của người đi đường và H2 đồng ý. Sau đó, H1 hỏi mượn H BKS giả 77E1-886.53 của H để gắn vào xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki R (xe của H1) để đi cướp giật tài sản và H đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, khi H2 chở H1 chạy qua địa phận ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện ông Phạm Quốc T2 điều khiển xe mô tô BKS 64K6-1071 chở mẹ là bà Châu Mỹ L2. Lúc này, H2 điều khiển xe mô tô áp sát để H1 ngồi sau giật lấy dây chuyền vàng trên cổ bà L2 rồi tẩu thoát. Sau đó, H1 đem bán sợi dây chuyền này ở thành phố Cần Thơ (không nhớ rõ địa chỉ) được 38.600.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long kết luận sợi dây chuyền của bà L2 trị giá 55.400.000 đồng. Ngày 03/12/2024, mẹ của bị cáo H2 đã bồi thường cho bà L2 số tiền 5.000.000 đồng mà H2 đã thực hiện vụ cướp giật tài sản của bà L2. Bà L2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá.

Vụ thứ ba: Sau vụ thứ hai, H1, L và H cùng nhau ra địa bàn tỉnh Bình Định để tiếp tục cướp giật tài sản. Đến khoảng 06 giờ 45 phút ngày 14/6/2024, khi cả nhóm đến Cầu C thuộc phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định thì phát hiện bà Phạm Thị Bích T1 đang điều khiển xe mô tô BKS 77H2-6605 đi trên đường. Lúc này, L điều khiển xe mô tô Suzuki Raider BKS 66L1-702.31 (gắn BKS giả) áp sát để H1 ngồi sau giật vòng kiềng bi bằng vàng của bà T1, còn H điều khiển xe mô tô BKS 64B1-713.26, nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng - đỏ (mượn của cháu ruột là Nguyễn Hoàng Q1) chạy phía sau để cản trở cho đồng bọn tẩu thoát. Sau đó, H đem vòng kiềng bi nói trên bán cho ông Lâm Tây S1 được 18.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận vòng kiềng bi của bà T1 trị giá 19.321.812 đồng. Bà T1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá.

Vụ thứ tư: Sau vụ thứ ba, trong quá trình di chuyển, do H bị lạc nên L điều khiển xe mô tô chở H1 tiếp tục đi dạo để cướp giật. Đến khoảng 07 giờ 50 phút ngày 14/6/2024 khi đến đoạn đường T thuộc phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, H1 và L phát hiện bà Đinh Thị Ngọc M1 điều khiển xe máy hiệu Airbalde, màu

sơn: Trắng-đen, BKS: 77N3-3808 đang đi trên đường. Lúc này, L điều khiển xe mô tô áp sát để H1 ngồi sau giật vòng kiềng bằng vàng trên cổ chị M1, nhưng do sợi dây chuyền bị vướng vào áo khoác bà M1 nên L và H1 không lấy được. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận vòng kiềng của bà M1 trị giá 21.424.800 đồng.

Vụ thứ năm: Sau vụ thứ tư, H1 và L gặp lại H rồi cả ba tiếp tục di chuyển để tìm “con mồi”. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 14/6/2024, khi đến đoạn đường bê tông thuộc thôn K, xã B, huyện T, cả nhóm phát hiện ông Đặng Văn K đang điều khiển xe mô tô chở vợ là bà Ngô Thị H3 đi trên đường. Lúc này, L điều khiển xe mô tô áp sát để H1 ngồi sau giật sợi dây chuyền bằng vàng trên cổ ông K, còn H điều khiển xe mô tô chạy phía sau để cản trở cho đồng bọn tẩu thoát. Sau đó, H1 bán sợi dây chuyền vàng này cho một tiệm vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ) được 41.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận sợi dây chuyền của ông K trị giá 45.717.000 đồng. Ông K yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá.

Vụ thứ sáu: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/6/2024 khi đến đoạn đường DT633 thuộc thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, cả nhóm phát hiện ông Nguyễn Văn N1 đang điều khiển xe mô tô BKS 77E1-541.24 chở vợ là bà Nguyễn Thị H4 đi trên đường. Lúc này, L điều khiển xe mô tô áp sát để H1 ngồi sau giật sợi dây chuyền vàng trên cổ ông N1, còn H điều khiển xe mô tô chạy phía sau để cản trở cho đồng bọn tẩu thoát. Sau này, H1 bán sợi dây chuyền vàng này cho một tiệm vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ) được 16.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định xác định sợi dây chuyền của ông N1 trị giá 23.326.251 đồng. Ông N1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá.

Vụ thứ bảy: Sau vụ thứ sáu, H mệt nên nằm ngủ trên ghế đá của công viên gần bến xe Q, còn H1 và L tiếp tục đi dạo để tìm “con mồi”. Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 15/6/2024, khi đến trước nhà số F đường T, thành phố Q, H1 và L phát hiện bà Đỗ Minh L3 đang điều khiển xe mô tô BKS 77L1 - 831.77 đi một mình trên đường. Lúc này, L điều khiển xe mô tô áp sát để H1 ngồi sau giật sợi dây chuyền vàng trên cổ bà L3 nhưng chỉ giật lấy được một phần sợi dây chuyền do chị L3 giữ lại được một đoạn dây chuyền dài 25 cm và mặt dây chuyền. Sau này, Hiệp bán đoạn dây chuyền vàng này cho một tiệm vàng ở Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ rõ địa chỉ) được 3.000.000 đồng rồi chia cho L và tiêu xài hết. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định xác định sợi dây chuyền của chị L3 trị giá 12.057.620 đồng. Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chị L3 01 sợi dây chuyền mà chị L3 giữ lại được. Chị L3 yêu cầu bồi thường giá trị đoạn dây chuyền bị chiếm đoạt với số tiền 5.000.000 đồng và chi phí sửa xe, nằm viện điều trị với số tiền là 5.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt (05 sợi dây chuyền vàng và 02 vòng kiềng vàng của 07 bị hại) trong vụ án này là 198.647.483 đồng.

Về vật chứng vụ án đã thu giữ, gồm:

- 01 xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đen đỏ, số máy CGA1553643, số khung RLSDL11ANMV153549 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- 01 xe mô tô BKS 64B1-713.26, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, số máy G3D4E297281, số khung 0610GY283167 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- 01 xe mô tô BKS 59G2-731.97, nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen xám, số máy CGA1ID213299, số khung MH8DL11AZKJ213358 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- 01 cà vẹt mang tên Đặng Phú T3, địa chỉ C V, T, H. Biển số đăng ký 59G2-731.97.

Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSBD-P2 ngày 24/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phi Hùng và Nguyễn Văn Hiệp về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Thế H2 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu; do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Phi H và Nguyễn Văn H1 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Thế H2 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

Đề nghị áp dụng các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H từ 09 đến 10 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 09 đến 10 năm tù.

Đề nghị áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Thế H2 từ 04 đến 05 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Thế H2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá tương ứng với từng vụ cướp giật tài sản mà các bị cáo đã thực hiện.

- Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu, nộp vào ngân sách 01 xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đen đỏ, số máy CGA1553643, số khung RLSDL11ANMV153549 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) và 01 xe mô tô BKS 59G2-731.97, nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen xám, số máy CGA1ID213299, số khung MH8DL11AZKJ213358 (đã qua sử dụng, không kiểm

tra chất lượng bên trong) (kèm theo xe mô tô trên là 01 cà vẹt mang tên Đặng Phú T3, địa chỉ C V, T, H, biển số đăng ký 59G2-731.97)

Trả lại cho Nguyễn Hoàng Q1 01 xe mô tô BKS 64B1-713.26, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, số máy G3D4E297281, số khung 0610GY283167 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Thế H2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại là ông Nguyễn Văn N1, bà Đỗ Minh L3, bà Châu Mỹ L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Nhựt L4, ông Nguyễn Hoàng Q1 và người làm chứng là bà Ngô Thị H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại là bà Nguyễn Thị Ngọc S, bà Đinh Thị Ngọc M1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng còn lại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, những người vắng mặt nêu trên trước đó đã có lời khai rõ ràng và việc vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên căn cứ các Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên trong thời gian từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024, các đối tượng Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn L và Huỳnh Thế H2 đã cùng nhau sử dụng xe mô tô thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản (dây chuyền và vòng kiềng vàng) của 07 bị hại đang điều khiển xe mô tô đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn các tỉnh Bình Định và Vĩnh Long, rồi nhanh chóng tẩu thoát, với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 198.647.483 đồng. Cụ thể như sau:

- Nguyễn Phi H: Bị có có nhiều tiền án về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (năm 1995), “Trộm cắp tài sản” (năm 1999), “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (năm 2000), “Cướp giật tài sản” (năm 2007), “Trộm cắp tài sản” (năm 2015), chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Để có tiền tiêu xài, H đã rủ L và H1 đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. H trực tiếp sử dụng xe mô tô phân khối lớn, cản địa không cho bị hại truy đuổi sau khi L và H1 giật được tài sản. H đã trực tiếp tham gia 04 vụ cướp giật tài sản cùng với L và H1 trên địa bàn tỉnh Bình Định; đồng thời H tham gia với vai trò giúp sức, cho H1 mượn BKS giả 77E1-886.53 của H để gắn vào xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki R (xe của H1) để đi cướp giật tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tổng giá trị tài sản H đã tham gia cướp giật là 165.165.063 đồng.

- Nguyễn Văn H1: Bị cáo cũng có nhiều tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” (năm 2012), “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản (năm 2015), chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Để có tiền tiêu xài nên khi được H rủ đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì Hiệp đồng ý. H1 cùng với đồng bọn, trực tiếp sử dụng xe mô tô phân khối lớn, trực tiếp tham gia 06 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Định và tỉnh Vĩnh Long. Tổng giá trị tài sản H1 đã tham gia cướp giật là 177.247.483 đồng.

- Huỳnh Thế H2: Do lười lao động và để có tiền tiêu xài nên khi được H1 rủ đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì H2 đồng ý. H2 cùng với H1 trực tiếp sử dụng xe mô tô phân khối lớn, trực tiếp tham gia 01 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tổng giá trị tài sản H2 đã tham gia cướp giật là 55.400.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm” quy định tại các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Huỳnh Thế H2 về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; đồng thời, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Phi H và Nguyễn Văn H1 đều thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Huỳnh Thế H2 thì vào ngày 03/12/2024, mẹ của bị cáo H2 đã bồi thường cho bà L2 số tiền 5.000.000 đồng mà H2 đã thực hiện vụ cướp giật tài sản của bà L2 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Các bị hại trong vụ án yêu cầu các bị cáo bồi thường như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu các bị cáo H, L bồi thường giá trị mặt dây chuyền bị chiếm đoạt với số tiền 7.600.000 đồng

- Bà Châu Mỹ L2 yêu cầu các bị cáo H, H1 và H2 bồi thường sợi dây chuyền bị chiếm đoạt có giá trị 55.400.000 đồng. Ngày 03/12/2024, mẹ của bị cáo H2 đã bồi thường cho bà L2 số tiền 5.000.000 đồng mà H2 đã thực hiện vụ cướp giật tài sản của bà L2.

- Bà Phạm Thị Bích T1 yêu cầu các bị cáo H1, L và H bồi thường vòng kiềng bị chiếm đoạt có giá trị 19.321.812 đồng.

- Ông Đặng Văn K yêu cầu các bị cáo H1, L và H bồi thường sợi dây chuyền bị chiếm đoạt có giá trị 45.717.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N1 yêu cầu các bị cáo H1, L và H bồi thường sợi dây chuyền bị chiếm đoạt có giá trị 23.326.251 đồng.

- Bà Đỗ Minh L3 yêu cầu các bị cáo H1 và L bồi thường đoạn dây chuyền bị chiếm đoạt có giá trị 5.000.000 đồng và chi phí sửa xe, nằm viện điều trị với số tiền là 5.000.000 đồng.

[6.2] Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu nêu trên.

Trong vụ án này, hiện nay L đang bỏ trốn, cơ quan tiến hành tố tụng đã tạm đình chỉ vụ án đối với L. Căn cứ khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự quy định “*Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*” thì đối với các trường hợp bồi thường thiệt hại có liên quan đến L, các bị cáo còn lại có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bị hại; còn trách nhiệm

hoàn trả của L cho các bị cáo được giải quyết theo quy định tại Điều 587 của Bộ luật Dân sự “*Trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau*” khi bắt được L và các bị cáo đã thực hiện việc bồi thường có yêu cầu.

[6.3] Buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại như sau:

- Buộc các bị cáo H1 và H2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Châu Mỹ L2 số tiền 55.400.000 đồng, trong đó: H1: 27.700.000 đồng và H2: 27.700.000 đồng, gia đình của bị cáo H2 đã bồi thường cho bà L2 số tiền 5.000.000 đồng nên H2 còn phải bồi thường cho bà L2 số tiền 22.700.000 đồng.

- Buộc các bị cáo H1 và H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Bích T1 số tiền 19.321.812 đồng, trong đó: H1: 9.660.900 đồng (đã làm tròn số) và H: 9.660.900 đồng (đã làm tròn số).

- Buộc các bị cáo H1 và H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Đặng Văn K số tiền 45.717.000 đồng, trong đó: H1: 22.858.500 đồng và H: 22.858.500 đồng.

- Buộc các bị cáo H1 và H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn N1 số tiền 23.326.251 đồng, trong đó: H1: 11.663.100 đồng (đã làm tròn số) và H: 11.663.100 đồng (đã làm tròn số).

- Buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 7.600.000 đồng.

- Buộc bị cáo H1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Minh L3 số tiền 5.000.000 đồng (giá trị đoạn dây chuyền bị chiếm đoạt) và 5.000.000 đồng (chi phí sửa xe, nằm viện điều trị), tổng cộng là 10.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xe mô tô BKS 64B1-713.26, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, số máy G3D4E297281, số khung 0610GY283167 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong): Khoảng tháng 7/2023, ông Nguyễn Hoàng Q1 (cháu của Nguyễn Văn H5) mua lại xe mô tô trên từ Lê Văn L5; sau đó H5 mượn xe của Q1 để đi lại và sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do ông Q1 không biết H5 sử dụng xe trên để đi cướp giật tài sản nên trả lại cho ông Q1 xe mô tô trên.

- Xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đen đỏ, số máy CGA1553643, số khung RLSDL11ANMV153549 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong): Nguyễn Văn H1 khai mua xe mô tô trên vào tháng 02/2024 với giá 14.000.000 đồng và được H1 dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp vào ngân sách xe mô tô trên.

- Xe mô tô BKS 59G2-731.97, nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen xám, số máy CGA1ID213299, số khung MH8DL11AZKJ213358 (đã qua sử dụng, không

kiểm tra chất lượng bên trong): Nguyễn Phi H khai xe trên là của Nguyễn Văn L sử dụng để đi cướp giật tài sản vào ngày 06/6/2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Sau khi thực hiện xong vụ thứ bảy ở Bình Định, do kẹt tiền nên L bán xe cho ông Nguyễn Hoàng Q1 được 16.000.000 đồng. Sau đó do không có tiền nhập hàng trái cây về để bán nên H nói với Q1 cho mượn xe trên để cầm cố lấy tiền nhập hàng và Q1 đồng ý. H cầm cố xe mô tô trên cho ông Nguyễn Nhựt L4 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe BKS 59G2-731.97 với số tiền 10.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Các bị cáo sử dụng xe mô tô trên dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp vào ngân sách (kèm theo xe mô tô trên là 01 cà vạt mang tên Đặng Phú T3, địa chỉ C V, T, H, biển số đăng ký 59G2-731.97).

Hiện nay, H chưa trả lại cho ông L4 số tiền 10.000.000 đồng; ông L4 yêu cầu H trả lại cho ông L4 số tiền trên và H đồng ý với yêu cầu của ông L4. Do đó, buộc Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả lại cho anh L4 số tiền 10.000.000 đồng xuất phát từ hành vi cầm cố xe mô tô BKS 59G2-731.97.

Về việc giải quyết tranh chấp xe mô tô BKS 59G2-731.97 giữa Nguyễn Phi H và ông Nguyễn Hoàng Q1 sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi ông Q1 có đơn yêu cầu.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.1] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[7.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 mỗi bị cáo phải chịu án phí tương ứng với số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại; cụ thể:

- H: 9.660.900 đồng + 22.858.500 đồng + 11.663.100 đồng + 7.600.000 đồng = 51.782.500 đồng x 5% = 2.589.000 đồng (đã làm tròn số).

- H2: 22.700.000 đồng x 5% = 1.135.000 đồng.

- Hiệp: 27.700.000 đồng + 9.660.900 đồng + 22.858.500 đồng + 11.663.100 đồng + 10.000.000 đồng = 81.882.500 đồng x 5% = 4.094.000 đồng (đã làm tròn số).

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án còn một số đối tượng khác có liên quan, cụ thể như sau:

- N: Đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B ra quyết định khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” và hiện nay đang bị truy nã do bị cáo bỏ trốn. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B đã quyết định tách hành vi của Nguyễn Văn L thành một vụ án riêng để tiếp tục giải quyết là có căn cứ.

- Đối với Lâm Tây S1 (là chủ tiệm V ở huyện P, tỉnh Bình Định): S1 có hành vi mua vàng do các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Phi H cướp giật được

đem bán. Tuy nhiên, khi mua vàng, S1 không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của S1 không có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với Nguyễn Hoàng Q1 (là cháu ruột của Nguyễn Phi H, chủ xe mô tô Yamaha Exciter biển số 64B1-713.26): Q1 có hành vi cho H mượn xe mô tô của mình để H sử dụng đi lại. Bản thân Q1 không biết H sử dụng xe trên để đi cướp giật tài sản nên Nguyễn Hoàng Q1 không đồng phạm với Nguyễn Phi H về tội “Cướp giật tài sản”.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phi H.

Căn cứ các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H1.

Căn cứ các điểm c, d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thế H2.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1, Huỳnh Thế H2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2024.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 09 (chín) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 63/2024/HS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/6/2024.

4. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thế H2 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2024.

5. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Châu Mỹ L2 số tiền 55.400.000 đồng, trong đó: H1: 27.700.000 đồng và H2: 27.700.000 đồng, gia đình của bị cáo H2 đã bồi thường cho bà L2 số tiền 5.000.000 đồng nên bị cáo H2 còn phải bồi thường cho bà L2 số tiền 22.700.000 đồng.

5.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Phi H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Bích T1 số tiền 19.321.812 đồng, trong đó: H1: 9.660.900 đồng (đã làm tròn số) và H: 9.660.900 đồng (đã làm tròn số).

5.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Phi H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Đặng Văn K số tiền 45.717.000 đồng, trong đó: H1: 22.858.500 đồng và H: 22.858.500 đồng.

5.4. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Phi H có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn N1 số tiền 23.326.251 đồng, trong đó: H1: 11.663.100 đồng (đã làm tròn số) và H: 11.663.100 đồng (đã làm tròn số).

5.5. Buộc bị cáo Nguyễn Phi H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 7.600.000 đồng.

5.6. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Minh L3 số tiền 10.000.000 đồng.

5.7. Đối với các trường hợp bồi thường thiệt hại có liên quan đến Nguyễn Văn L sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi bắt được L và các bị cáo có liên quan có yêu cầu.

6. Về xử lý vật chứng:

6.1. Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng Q1 01 (một) xe mô tô BKS 64B1-713.26, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ, số máy G3D4E297281, số khung 0610GY283167 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

6.2. Tịch thu, nộp vào ngân sách 01 (một) xe mô tô BKS 66L1-702.31, nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đen đỏ, số máy CGA1553643, số khung RLSDL11ANMV153549 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

6.3. Tịch thu, nộp vào ngân sách 01 (một) xe mô tô BKS 59G2-731.97, nhãn hiệu Suzuki Satria, màu đen xám, số máy CGA1ID213299, số khung MH8DL11AZKJ213358 (đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) (kèm theo xe mô tô trên là 01 cạp vệt mang tên Đặng Phú T3, địa chỉ C V, T, H, biển số đăng ký 59G2-731.97).

Buộc Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Nhựt L4 số tiền 10.000.000 đồng xuất phát từ hành vi cầm cố xe mô tô BKS 59G2-731.97.

Về việc giải quyết tranh chấp xe mô tô BKS 59G2-731.97 giữa Nguyễn Phi H và ông Nguyễn Hoàng Q1 sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi ông Q1 có đơn yêu cầu.

7. Về án phí:

7.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Văn H1 và Huỳnh Thế H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

7.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyễn Phi H phải chịu: 2.589.000 đồng (đã làm tròn số).
- Huỳnh Thế H2 phải chịu: 1.135.000 đồng.
- Nguyễn Văn H1 phải chịu: 4.094.000 đồng (đã làm tròn số).

8. Về nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8.2. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia

